

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2018

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà La Thị Hồng Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hưon.

2. Ông Phạm Đức Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 433/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Thùy T**, sinh năm: 1984.

Hộ khẩu thường trú: Số nhà 34, tổ 4, khu B, ấp 1, xã A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện tại: Số 95/3/2, khu 12, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Phan Thanh Tr**, sinh năm: 1982.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện tại: Số 95/3/2, khu 12, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh Tr có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2017 và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn chị Mai Thị Thùy T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Thanh Tr tự nguyện xây dựng gia đình với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã A, huyện Long Thành ngày 22/3/2012. Thời gian đầu hôn nhân anh chị chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn cũng nhiều nhưng anh chị đã hàn gắn vì mục đích hôn nhân hạnh phúc và vì các con. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là tháng 10/2016, do bất đồng quan điểm nên anh chị không còn tin tưởng và tôn trọng nhau. Anh chị vẫn còn sống chung nhà tại khu 12, xã L nhưng việc ai nấy làm, rất ít khi tiếp xúc nói chuyện, không còn quan tâm lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị xin ly hôn với anh Tr.

+ Về con chung: Có 02 con chung

1/ Phan Mai H, sinh ngày 26/6/2013.

2/ Phan Mai Kim N, sinh ngày 17/01/2016.

Hiện các con đang sống cùng chị và anh Tr tại nhà ba mẹ anh Tr, ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả 02 cháu H và N, chị không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm Kế toán trưởng tại Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp và Xây dựng LH thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 16.000.000 đồng. Ngoài ra, chị cũng làm Kế toán trưởng Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp và Xây dựng TC, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng. Tổng cộng thu nhập bình quân mỗi tháng của chị là 19.000.000 đồng. Sau khi ly hôn chị sẽ đưa 02 con về sống tại nhà riêng do bố mẹ chị cho chị tại địa chỉ ấp 1, xã A, huyện Long Thành để sinh sống (nhà đất đã được UBND huyện Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị số BC 511118 ngày 02/5/2012). Buổi sáng chị sẽ đưa 02 con đi học tại trường tiểu học và trường mầm non gần nhà, buổi chiều bố, mẹ hoặc anh chị của chị ở gần nhà sẽ hỗ trợ chị trong việc đón các cháu về nhà, gia đình chị đều rất hỗ trợ chị trong việc chăm sóc 02 con của chị, chị đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vào ngày 11/01/2018 chị và anh Tr đã thỏa thuận bán tài sản và trả hết nợ, hiện nay anh chị không còn tài sản chung và cũng không có nợ chung.

- Tại bản tự khai ngày 06/7/2017 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, bị đơn anh Phan Thanh Tr trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quá trình đăng ký hôn, chung sống và phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày là đúng, nay chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Có 02 con chung

1/ Phan Mai H, sinh ngày 26/6/2013.

2/ Phan Mai Kim N, sinh ngày 17/01/2016.

Hiện tại các cháu đang sống cùng anh chị, ly hôn chị T yêu cầu nuôi dưỡng cả 02 con anh không đồng ý. Anh yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con của anh như sau: Từ nhỏ đến lớn cả 02 cháu sống cùng vợ chồng anh, chị gái và em gái ruột của anh đều hỗ trợ việc chăm sóc các cháu, đồng thời từ tháng 2/2016 đến nay anh có thuê người giúp việc ở nhà chuyên chăm sóc cho 02 cháu. Hiện nay anh là công chức làm việc tại PTP huyện Long Thành, thu nhập bình quân mỗi khoảng 6.000.000 đồng, mặc dù lương chính thức không bằng chị T nhưng anh vẫn đảm bảo đủ điều kiện kinh tế để chăm sóc các con tốt nhất. Anh đảm bảo đủ thời gian đưa đón cháu H đi học tại Trường mầm non Long Thành, vì trường học rất gần cơ quan làm việc của anh, anh cũng dự tính năm 2018 sẽ đưa cháu N nhập học tại Trường mầm non Long Thành. Anh luôn giành thời gian buổi tối để chơi đùa và dạy học cho các cháu.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Vào ngày 11/01/2018 anh và chị T đã thỏa thuận bán tài sản và trả hết nợ, hiện nay anh chị không còn tài sản chung và cũng không còn nợ chung.

Các tài liệu, chứng cứ trong vụ án: Đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con; Hợp đồng tín dụng; Bản tự khai của chị T ngày 18/7/2017; Bản tự khai của anh Tr ngày 06/7/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Bản tự khai của ông Tổng Trần H đại diện Ngân hàng ABBank; Giấy ủy quyền ngày 13/7/2017; Hợp đồng tín dụng số 034 ngày 25/4/2015; Hợp đồng thế chấp số 034 ngày 25/4/2015; Sao kê lịch trả nợ ngày 18/7/2017; Biên bản làm việc ngày 25/4/2015; Giấy phép thành lập công ty số 535 ngày 13/5/1993; Quyết định chuẩn y việc bổ sung Điều lệ số 1601 ngày 18/7/2008; Quyết định số 1333 ngày 07/9/2005; Quyết định của hội đồng quản trị số 21 ngày 02/02/2016; Giấy ủy quyền số 04 ngày 02/02/2016; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định số 1631 ngày 22/7/2008; Bản tự khai của chị T ngày 26/7/2017; Sao kê tài khoản của chị T từ 01/12/2016 đến ngày 19/7/2017; Các phiếu chi ngày 31/5/2017 và 30/6/2017; Hợp đồng lao động số 02 ngày 01/12/2013; Phụ lục hợp đồng lao động số 03 ngày 01/01/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 511118; Bản tự khai của anh Tr ngày 23/10/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 644001. Đơn khởi kiện của chị Q – anh V ngày 14/11/2017; Bản tự khai của chị Q – anh V; Giấy xác nhận nợ ngày 31/5/2017; Chứng minh nhân dân + sổ hộ khẩu của chị Q-anh V. Đơn khởi kiện của anh Tr ngày 15/11/2017; Đơn yêu cầu chia tài sản chung của anh Tr ngày 02/11/2017; Bản tự khai bổ sung của anh Tr ngày 15/11/2017; Sổ vay vốn của anh Tr; Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 214750; Phiếu nộp tiền mặt ngày 29/8/2012; Xác nhận tất toán nợ của Ngân hàng ABBank; Bản tường trình của chị T ngày 30/11/2017; Lời khai của anh D – chị N ngày 12/12/2017; Giấy xác nhận ngày 14/4/2016; Biên nhận ngày 28/8/2016; Bản tự khai lần 3 của chị T ngày 20/12/2017; Sổ phụ tài khoản từ ngày 01/01/2015 đến ngày 26/12/2017; Bản tự khai của chị T ngày 11/01/2018; Bản tự khai của anh D – chị N ngày 11/01/2018; Đơn đề nghị rút đơn yêu cầu của chị Q – anh V ngày 11/01/2018; Thông báo trả lại đơn khởi kiện; Biên bản xác minh tại Công an xã L và UBND xã A; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải; Quyết định nâng lương trước thời hạn của anh Tr, danh sách chuyển lương tháng 01/2018, Bảng thanh toán tiền lương tháng 01/2018 và các tài liệu chứng cứ khác đã được đóng dấu bút lục trong hồ sơ vụ án.

Các tình tiết các bên thống nhất và không thống nhất: Chị T xin ly hôn, anh Tr đồng ý ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung là Phan Mai H, sinh ngày 26/6/2013 và Phan Mai Kim N, sinh ngày 17/01/2016. Chị T yêu cầu được nuôi cả 02 con chung, anh Tr cũng yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, chị T và anh Tr không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia phiên tòa được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không hàn gắn đoàn tụ được, anh Tr cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị xử cho chị T ly hôn anh Tr. Về con chung: có 02 con chung tên Phan Mai H, sinh ngày 26/6/2013 và Phan Mai Kim N, sinh ngày 17/01/2016. Đối với cháu N dưới 36 tháng tuổi đương nhiên giao cho chị T nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét thấy cháu N đã được giao cho chị T nuôi dưỡng, chị T và anh Tr đều không muốn chia cắt tình cảm chị em, cả 02 cháu đều là bé gái cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu H cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Ngày 19 tháng 6 năm 2017 chị Mai Thị Thùy T có đơn khởi kiện Ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Phan Thanh Tr, yêu cầu khởi kiện của chị T được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 22/3/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị T nộp đơn xin ly hôn, anh Tr cũng có ý kiến đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh Tr.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Phan Mai H, sinh ngày 26/6/2013 và cháu Phan Mai Kim N, sinh ngày 17/01/2016, hiện cháu H và cháu N đang sống cùng chị T và anh Tr.

Cả chị T và anh Tr đều không muốn chia cắt tình cảm chị em, chị T có yêu cầu nuôi cả 02 con chung, anh Tr cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, chị T và anh Tr đều đủ điều kiện nuôi con, tuy nhiên chị Tr có nhà ở, việc làm và thu nhập cao hơn anh Tr, đồng thời cháu N dưới 36 tháng tuổi, cả 02 cháu đều là bé gái cần có sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, phù hợp cho sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, giới tính và tâm lý của con trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của chị T, giao cháu H và cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị T không có yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị T, anh Tr khai không có nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị T, anh Tr khai không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Thùy T và anh Phan Thanh Tr.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Phan Mai H, sinh ngày 26/6/2013 và Phan Mai Kim N, sinh ngày 17/01/2016. Xử giao cháu H và cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tr được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Mai Thị Thùy T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 006526 ngày 19/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị T đã nộp đủ án phí.

5. Chị Mai Thị Thùy T, anh Phan Thanh Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- CCTHADS H. Long Thành(1);
- VKSND H. Long Thành(1);
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai(1);
- UBND xã A, theo Giấy CNKH số 52 ngày 22/3/2012 (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

La Thị Hồng Gấm